TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/DS-PT
Ngày: 29-9-2022
V/v: "Tranh chấp Quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp: "Quyền sử dụng đất".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 200/2022/QĐ-PT ngày 04/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 178/2022/QĐ-PT ngày 22/7/2022, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 444/TB-TA ngày 19/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn CH, sinh năm: 1964; cư trú tại số 04, tổ 01, thôn LS, xã LL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn TH, sinh năm: 1971; cư trú tại tổ 01, thôn LS, xã LL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê CT, sinh năm: 1972; địa chỉ liên hệ số: 135, đường NCT, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Luật sư của Văn phòng Luật sư BT - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm QD, sinh năm: 1967; cư trú tại tổ 01, thôn LS, xã LL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2. Anh Pham DQ, sinh năm: 1992; cư trú tại tổ 01, thôn LS, xã LL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

3. Chị Phạm TD, sinh năm: 2000; cư trú tại tổ 01, thôn LS, xã LL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

4. Bà Nguyễn TO, sinh năm: 1964; cư trú tại số 04, tổ 01, thôn LS, xã LL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

5. Bà Quách TV, sinh năm: 1963; cư trú tại số 113, thôn TL, xã LL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

6. Bà Ka B, sinh năm: 1956; cư trú tại số 83, tổ 5, thôn MR, xã LL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân xã LL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: thôn YH, xã LL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương QK, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân); có đơn đề nghị vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn TH - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2020, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá tham gia tố tụng của ông Nguyễn CH thì: Ông được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số B540526 ngày 27/3/1993 thửa 163 tờ bản đồ 04a diện tích 851m^2. Gia đình ông sử dụng ổn định làm nhà ở phần đất phía trước giáp đường Quốc lộ 27, phần còn lại phía sau do đất thấp trũng khoảng 240m^2 thì gia đình ông làm chuồng nuôi gà. Tháng 06/2019, bà Nguyễn TH, người sử dụng đất giáp ranh phía sau nhà ông, đã đổ đất nâng vườn và lấn sang phần đất phía sau nhà, ông có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã LL đề nghị can thiệp giải quyết nhưng kết quả không thành. Qua kết quả đo vẽ ngày 12/5/2020 trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ cho thấy diện tích đất thực tế hiện nay gia đình ông sử dụng chỉ có 673m^2 phần đất phía trước, phía sau phần bà TH đổ đất lấn chiếm là 232m^2. Phần đất này hoàn toàn là của gia đình ông đã được nhà nước cấp quyền sử dụng đất và sử dụng từ trước đến nay. Vì vậy, ông yêu cầu bà Nguyễn TH trả cho ông diện tích 232m^2 đất thuộc thửa 163, tờ bản đồ số 04 xã LL, huyện X .

- Theo lời trình bày của bà Nguyễn TH thì: Bà là người sử dụng diện tích đất 1.100m^2 thuộc thửa 163a, tờ bản đồ số 04 xã LL từ năm 2002. Nguồn gốc diện tích đất trên do bà nhận sang nhượng của bà Quách TV và bà Ka B vào năm 2002, khi sang nhượng chỉ viết giấy tay vì bà TV và bà Ka B chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, đến nay bà cũng chưa được cấp quyền sử dụng diện tích đất nói trên. Tổng diện tích đất sau khi được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

huyện X đo đạc và cho kết quả ngày 13/5/2020 có diện tích là 912m^2, trong đó có một phần thửa 163a diện tích 407m^2 hiện do bà sử dụng; một phần thửa 163a diện tích 230m^2 do Ủy ban nhân dân xã LL, huyện X quản lý hiện cho ông CH thuê sử dụng là ga ra sửa xe; một phần thửa 163a diện tích 43m^2 bà đã đổ đất nâng sử dụng; một phần thửa 163 diện tích 232m^2 bà cũng đã đổ đất nâng đang sử dụng và có tranh chấp với ông Nguyễn CH. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn CH thì bà không đồng ý vì diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc do bà nhận sang nhượng của bà Quách TV, khi nhận đất bà TV có chỉ mốc giới phía sau là 02 cây dâu, phía trước là mốc cột điện thoại, hiện trạng hiện nay vẫn còn 01 gốc dâu.

Về yêu cầu phản tố, ngày 04/01/2021 bà có đơn yêu cầu buộc ông Nguyễn CH trả lại 230m^2 thuộc thửa đất 1/163a tờ bản đồ 04a xã LL, sau đó bà xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

- Trong quá trình giải quyết vụ án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm QD, Pham DQ bà Phạm TD không có ý kiến gì, mọi vấn đề liên quan đến vụ án để bà Nguyễn TH tự quyết định và những người này có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử.

- Bà Nguyễn TO thống nhất toàn bộ ý kiến của ông Nguyễn CH.

- Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã LL, huyện X thì: Nguồn gốc thửa đất 1/163a tờ bản đồ số 04a xã LL được Ủy ban nhân dân thị trấn Thạnh Mỹ, huyện X bàn giao cho xã LL quản lý từ năm 1997. Diện tích 230m^2 thửa đất 1/163a tờ bản đồ số 04a xã LL trước đây ông Nguyễn Mai (chú bà TH) mượn để sửa xe đạp theo đơn mượn ngày 01/6/1989. Việc yêu cầu phản tố của bà TH yêu cầu ông Nguyễn CH trả diện tích 230m^2 thửa đất 1/163a tờ bản đồ số 04a, xã LL là không có cơ sở vì phần diện tích đất trên là đất công hiện nay Ủy ban nhân dân xã LL quản lý và được đưa vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm giai đoạn 2021-2025. Ngoài ý kiến trình bày trên, Ủy ban nhân dân xã LL không có ý kiến gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 07/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022; Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn CH, buộc bà Nguyễn TH trả cho ông Nguyễn CH diện tích đất 232m^2 thuộc thửa 163 tờ bản đồ 04 xã LL. (Kèm trích đo địa chính lập ngày 12/5/2020, phần này không tách rời Bản án).

- Đình chỉ yêu cầu phản tố bà Nguyễn TH yêu cầu ông Nguyễn CH trả diện tích 230m^2 thửa đất 1/163a tờ bản đồ số 04a xã LL.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn CH có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn TH, ông Phạm QD số tiền 34.500.000đ do bà Nguyễn TH đổ đất nâng mặt bằng trên diện tích 232m^2.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/5/2022, bà Nguyễn TH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn TH xác định nội dung kháng cáo là không đồng ý trả lại đất cho ông CH.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà TH, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn CH không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn TH, sửa Bản án sơ thẩm về số liệu (185,7m^2 theo kết quả đo vẽ ngày 06/9/2022 và về án phí theo quy định).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc ông Nguyễn CH khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn TH trả cho ông diện tích 232m^2 đất thuộc thửa 163 tờ bản đồ số 04, xã LL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; bà TH không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp.Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp Quyền sử dụng đất"* là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Diện tích thuộc thửa số 163; tờ bản đồ 04 tọa lạc tại xã LL, huyện Đơn Đương của ông Nguyễn CH được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số B540526 vào ngày 27/3/1993 với diện tích 851m^2. Nguyên đơn cho rằng gia đình đã sử dụng ổn định và làm nhà ở phần đất phía trước giáp Quốc lộ 27, phần còn lại phía sau do đất thấp trũng nên gia đình làm chuồng nuôi gà. Tháng 6/2019, bà Nguyễn TH là người sử dụng đất giáp ranh phía sau đã đổ đất nâng vườn và đã lấn sang phần đất phía sau của nhà ông.

Bà TH cho rằng diện tích đất đang tranh chấp hiện nay nằm trong tổng diện tích đất bà nhận chuyển nhượng từ bà Quách TV nên việc ông CH khởi kiện yêu cầu bà trả lại phần diện tích theo kết quả đo vẽ là 231.3m^2 thì bà không đồng ý.

Xét thấy, việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất giữa bà TH với bà Quách TV được xác lập vào năm 2002. Giữa các bên chỉ lập giấy tay với nhau và tại thời điểm chuyển nhượng đất bà TV cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy định. Theo lời trình bày của bà TV thì bà chuyển nhượng cho bà TH khoảng 400m^2 giáp đất ông CH ra đến bờ suối, khi chuyển nhượng chỉ án chừng diện tích chứ các bên không thực hiện việc đo đạc trên thực tế. Bên cạnh đó, bà Ka B cũng là người chuyển nhượng cho bà TH khoảng 200m^2 thừa nhận thời điểm chuyển nhượng giữa bà với bà TH không đo đạc mà chỉ án chừng và hàng năm mùa mưa lũ suối chảy làm sạt lở thay đổi hiện trạng đất; nay bà cũng không xác định được diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà TH thuộc vị trí nào. Ngoài ra, bà TH cũng không chứng minh được quyền sử dụng đối với phần diện tích mà các bên đang tranh chấp hiện nay.

Hơn nữa, vào thời điểm ông CH được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào năm 1996 thì bà TH chưa nhận chuyển nhượng phần diện tích đất này và bản thân người sử dụng đất trước đó là bà TV cũng không có khiếu nại hay thắc mắc gì đối với việc đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của ông CH.

Căn cứ họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện ngày 06/9/2022 thì phần diện tích các bên đang tranh chấp là 231,3m^2 trong đó có 185,7m^2 thuộc một phần thửa 163; 3,5m^2 thuộc một phần thửa 163a và 42,1m^2 thuộc thửa 789. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thống nhất sử dụng họa đồ này để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Như vậy trên thực tế, theo kết quả đo vẽ thì bà TH đang sử dụng qua phần đất ông CH đã được cấp Giấy chứng nhận là 189,5m^2 (trong đó có 185,7m^2 đất đo theo hiện trạng và 3,8m^2 nằm ngoài vị trí các bên chỉ ranh). Do đó, có căn cứ để buộc bà TH phải trả lại phần diện tích đất 189,5m^2 thuộc một phần thửa 163 cho cho ông CH.

Cấp sơ thẩm cho rằng *"Việc tăng diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông CH đối với diện tích 42,1m^2 là không lớn, trong đo đạc cho phép"* để buộc bà TH phải trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp 232m^2 là không phù hợp. Bởi lẽ, ngoài phần diện tích đất được cơ quan có thẩm quyền cấp Quyền sử dụng cho ông CH mà bà TH đang sử dụng thì phần diện tích đất còn lại thuộc một phần thửa 163a là đất công sản, một phần thì thuộc thửa đất khác.

[2.2] Đối với chi phí san lấp mặt bằng thì thấy rằng: Bà TH trình bày khi san lấp bà đã cho đổ đất với độ cao là 04m nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh, ông CH lại không thừa nhận nên không có căn cứ xem xét. Theo kết quả định giá do Công ty cổ phần thẩm định giá DN thực hiện ngày 19/9/2022 thì giá trị san lấp là 21.395.000đ; quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn CH đồng ý trả cho bà Nguyễn TH, ông Phạm QD số tiền 34.500.000đ. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức, xã hội nên cần ghi nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết tại giai đoạn sơ thẩm, số tiền chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ bà Nguyễn TH đã nộp là 5.639.000đ, ông CH đã nộp là 4.433.000đ (đã được quyết toán xong). Tại giai đoạn phúc thẩm, bà TH có yêu cầu xem xét thẩm định, thẩm định giá với chi phí hết 17.906.920đ (đã được quyết toán xong). Tổng chi phí tố tụng hết: 27.978.920đ. Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn CH được chấp nhận một phần nên cần buộc ông CH, bà TH mỗi người phải chịu ½ chi phí này là có căn cứ. Cụ thể: Buộc ông Nguyễn CH phải thanh toán cho bà Nguyễn TH số tiền 9.556.460đ là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn TH để tuyên xử theo hướng đã nhận định là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Các phần khác của Quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đây là vụ án tranh chấp Quyền sử dụng đất; xác định đất thuộc quyền sử dụng của ai; theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí Dân sự sơ thẩm trong trường hợp này là không có giá ngạch; cấp sơ thẩm buộc đương sự phải chịu án phí có giá ngạch là chưa chính xác; ngoài ra cấp sơ thẩm buộc ông CH thanh toán tiền đổ đất cho bà TH nhưng lại không buộc phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán là có thiếu sót nên cần sửa lại các phần này.

Cụ thể: ông CH phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bà TH và phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Bà TH phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần bị buộc trả lại đất cho ông CH.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn TH không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 275 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn TH, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn CH về việc "*Tranh chấp Quyền sử dụng đất*" đối với bà Nguyễn TH.

Buộc bà Nguyễn TH phải trả lại cho ông Nguyễn CH lô đất có diện tích 185,7m^2 thuộc một phần thửa 163, tờ bản đồ số 4; tọa lạc tại xã LL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

(Có họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện ngày 09/8/2022 kèm theo).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn CH về việc thanh toán số tiền 34.500.000đ (ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Nguyễn TH.

3. Về chi phí tố tụng: buộc ông Nguyễn CH và bà Nguyễn TH mỗi bên phải chịu 13.989.460đ chi phí xem xét tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản.

Buộc ông Nguyễn CH phải thanh toán lại cho bà Nguyễn TH số tiền 9.556.460đ (chín triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi đồng).

4. Các phần khác của Quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn CH phải chịu 2.025.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016138 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Ông CH được nhận lại 475.000đ tạm ứng án phí còn thừa.

+ Bà Nguyễn TH phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003963 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Bà TH đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn TH không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện X (01);
- Chi cục THADS huyện X (01);
- Đương sự (09);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Châu Thạch